

Bản án số: 202/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03/7/2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trí;

2. Bà Phan Thị Nga.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 332/2024/TLST-HNGĐ về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 302/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Liễu Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp M, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: T, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt);

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1978; địa chỉ: số 144, tổ 5, ấp M, xã A, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn bà Liễu Thị T trình bày: Vợ chồng bà tự tìm hiểu đi đến kết hôn năm 1998, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01/2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chồng không lo làm phụ giúp cho vợ con, mâu thuẫn về tài chính nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, không còn sống chung từ tháng 10/2023 cho đến

nay. Nay thấy tình cảm không còn bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc D; Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Liễu Xuân K1, sinh ngày 16/02/1999 và Nguyễn Liễu Đăng K2, sinh ngày 24/10/2002. Hiện 02 con đã trên 18 tuổi nên bà không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết; Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc D được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông D vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Liễu Thị T đối với ông Nguyễn Ngọc D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Liễu Thị T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc D, ông D có nơi cư trú ấp M, xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Ngọc D đã được triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D là phù hợp.

[3] Bà Liễu Thị T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc D, bà T và ông D có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo bà T trình bày, vợ chồng sống hạnh phúc đến 01/2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chồng không lo làm phụ giúp cho vợ con, mâu thuẫn về tài chính nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, không còn sống chung từ tháng 10/2023 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà T yêu cầu ly hôn và triệu tập ông D tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông D vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà T. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông D đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân do ông D không lo làm phụ giúp cho vợ con, mâu thuẫn

về tài chính nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, không còn sống chung từ tháng 10/2023 cho đến nay. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, bà T xác định vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Liễu Xuân K1, sinh ngày 16/02/1999 và Nguyễn Liễu Đăng K2, sinh ngày 24/10/2002. Hiện nay, 02 con chung đã thành niên, nên không đề cập giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Bà T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về quan hệ nợ chung: Bà T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Liễu Thị T đối với ông ông Nguyễn Ngọc D;

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Liễu Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 184, ngày 30 tháng 10 năm 2002 do Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Liễu Thị T và ông Nguyễn Ngọc D không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Liễu Xuân K1, sinh ngày 16/02/1999 và Nguyễn Liễu Đăng K2, sinh ngày 24/10/2002. Hiện nay, 02 con chung đã thành niên, nên không đề cập giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc bà bà Liễu Thị T xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà Liễu Thị T và ông Nguyễn Ngọc D phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Liễu Thị T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số **0015440 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 06 tháng 5 năm 2024. Bà Liễu Thị T đã nộp đủ án phí.**

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

